

QUYỂN 1: TU TÂM

TU LÀ CỘI PHÚC

Người đời sớm phải tri cơ,
Gương lu vì bụi, trăng mờ vì mây.
Chở che nhờ đức cao dày,
Dầu tu cho mấy chẳng tài tu tâm.

Tu Tâm Là Một Vấn Đề Quan Trọng

Người đời hung dữ, vì chẳng biết tu tâm

Gia đình không hạnh phúc, vì chẳng biết tu tâm;

Xóm, làng hay rầy rà kiện cáo vì dân quê chẳng biết tu tâm;

Thế giới chiến tranh, tương tàn tương sát, vì nhân loại chẳng biết tu tâm;

Phật tử tu hành bị thôi chuyển, vì chẳng biết tu tâm.

Con người có Tu Tâm, mới trở nên hiền từ,

Gia đình có Tu Tâm, thân tộc mới được hạnh phúc.

Quốc gia có Tu Tâm, nước nhà mới có thịnh trị.

Nhơn loại có Tu Tâm, thế giới mới được hòa bình

Phật tử có Tu Tâm, mới mau thành đạo chứng quả.

Thích Thiện Hoa



TU TÂM

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Thưa quý vị! Tôi rất vui mừng, vì thấy mỗi ngày chủ nhật, quý vị bỏ thì giờ quý báu, để đến chùa lạy Phật nghe kinh, Một giờ quý vị lạy Phật nghe kinh, thì ngày ấy hay tháng ấy quý vị tránh được việc dữ, làm được điều lành. Một người tránh dữ làm lành, thì người ấy trở nên hiền từ. Cả gia đình đều tránh dữ làm lành, thì gia đình được hạnh phúc. Cả nước đều tránh giữ làm lành thì toàn dân có đạo đức, trở nên một nước thanh trị. Cả nhơn loại đều tránh dữ làm lành, thì lo chi thế giới chẳng được đại đồng, nhơn loại không hưởng được hạnh phúc thái bình.

Hơn nữa, trong kinh Pháp Hoa Phật dạy: " Người nào niệm "Nam mô Phật" thì người ấy (hột giống Phật đã gieo vào trong tâm điền của họ rồi, không sớm thì chầy) sẽ được thành Phật". Huống chi quý vị thường đến chùa lạy Phật nghe kinh, thì có lý nào sau này chẳng được thành Phật quả.

Sách Đại học nói:"Dục bình thiên hạ, tiên trị kỳ quốc; dục trị kỳ quốc, tiên tề kỳ gia; dục tề kỳ gia tiên tu kỳ thân, dục tù kỳ thân, tiên chánh kỳ tâm"

Nghĩa là: Muốn cho thiên hạ được hòa bình thì trước phải mỗi nước được thanh trị; muốn cho mỗi nước được thanh trị, thì mỗi gia đình trước phải chỉnh đốn; muốn cho gia đình được chỉnh đốn, thì mỗi người trước phải tu thân; muốn tu thân, thì mỗi người trước phải sửa Tâm mình cho chơn chánh.

Bởi thế nên hôm nay tôi giảng về vấn đề " Tu Tâm"

Thưa quý vị!

Người đời có hai điều thiếu thốn:

1. Thiếu thốn về vật chất- Người thiếu thốn về vật chất: Cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, nhà cửa trống trước rách sau, khổ sở về xác thịt.

2. Thiếu thốn về tinh thần- Người thiếu thốn về tinh thần thì tham lam, gian xảo, tật đố, kiêu căng v.v.. tạo đủ điều tội ác; không những có hại cho mình hay một đời mình, nhiều khi còn liên lụy đến bà con, hoặc có hại đến nhiều đời sao nữa, nên thiếu thốn về vật chất.

Xưa có vị Hiền triết, không nhà cửa, chèo dùng cái thùng cây làm nhà ở: nhưng vì tinh thần nay đủ, nên vị Hiền triết ấy chẳng thấy chút gì khổ sở. Trái lại như ông Thạch Sùng, vua Kiệt, vua Trụ v.v... tuy đầy đủ về vật chất, nhưng thiếu thốn về tinh thần, nên tâm hồn vẫn đau khổ, làm nhiều điều tội lỗi tày trời!

Song le, người đời chỉ lo thiếu thốn về vật chất, mà ít ai nghĩ ngợi và lo sợ nghèo thiếu về tinh thần! Hôm nay tôi hiến cho quý vị một món quà về tinh thần.

Thưa quý vị! Trong sách Nho, Thầy Mạnh nói: "Nhơn,nhơn tầm giả; Nghĩa, nhơn lộ giả; xả kỳ lộ nhi phát do, phóng kỳ tâm nhi bất tri cầu". Nghĩa là: Nhơn, là cái tâm của con người vậy; Nghĩa, là con đường của người đi vậy (đi lên, đi xuống, qua lại, tới, lui v.v.. cũng theo đường mà đi). Tại sao người đời lại bỏ con đường của mình không chịu đi (người đời làm việc gì cũng nhờ tâm: kinh dinh sự nghiệp lớn lao, cũng nhờ tâm suy tính; được tài hay trí giỏi công danh vĩ đại, cũng nhờ tâm lo lường); thế mà người đời lại bỏ cái tâm của mình, chẳng biết tìm cầu!

Nói đến đây, thầy Mạnh lại than rằng: " Ai tai! Nhơn hữu kê khuyến, xả nhi tắc tri cầu chi, hữu phóng tâm nhi bất tri cầu": Rất thương thay cho người đời! Mất những vật nhỏ mọn như đồng xu, các bạc, con gà, con chó chẳng xứng đáng chi, mà họ còn biết tìm kiếm, hưởng chi cái Tâm là vật quý giá vô cùng: Làm Hiền nhân Quân tử cũng nhờ tâm; thành Phật làm Tổ cũng nhờ tâm, thế mà người đời lại bỏ cái tâm của mình không biết tìm cầu. Thầy Mạnh Tử lại nói tiếp: " Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hĩ!" đạo học vẫn không có chi lạ, chỉ tìm kiếm cái phóng tâm của mình mà thôi!

Trong kinh Lăng Nghiêm, Phật dạy: "Nhuộc bất thức tri tâm mục sở tại, tắc bất năng đắc hàng phục trần lao; thí như Quốc vương vi tặc sở xâm, phát binh thảo trừ, thị binh yếu đương trị tặc sở tại; sử nhữ lưu chuyể, tâm mục vi cự". Làm cho ông lưu chuyể sanh tử, là lỗi tại cái tâm và con mắt của ông. Vậy nếu ông không biết cái tâm cùng với con mắt ở chỗ nào, thời ông không thể hàng phục được phiền não trần lao. Cũng như vi quốc vương bị giặc xâm chiếm, đem binh dẹp trừ, nếu không biết được giặc ở chỗ nào, thì không bao giờ dẹp trừ được giặc.

Bởi thế nên người học Phật, muốn thoát ly sanh tử, ra khỏi luân hồi, điều cần yếu là phải biết tâm mình. Khi biết được chơn tâm và vọng tâm rồi, mới có thể lần hồi dẹp trừ vọng tâm, trở về với bản thể chơn tâm của mình được.

Trong kinh Lăng Nghiêm, Phật lại dạy: " Tất cả chúng sanh từ hồi nào đến giờ, điên đảo đủ điều, là do hạt giống nghiệp sẵn có, nó dính liền nhau, như chùm trái ác xóa. Người tu hành không thể thành quả vị vô thương Bồ đề, mà chỉ thành Thỉnh văn Duyên giác và Thiên ma ngoại đạo v.v... là bởi không biết hai món "chơn" và "vọng". Nếu các ông lầm lộn tu tập theo vọng niệm, mà muốn chứng đạo quả Bồ đề, thì cũng như người nấu cát muốn thành cơm, dầu trải qua nhiều kiếp cũng không kết quả được".

Trong kinh Lăng Nghiêm, Phật nhiều lần gạn hỏi ông A Nan, cái "Tâm" ở chỗ nào?

Ông A Nan đáp: Tâm ở trong thân, tâm ở ngoài thân, tâm núp trong con mắt, tâm ở chặn giữa v.v... đều không trúng cả.

Thưa quý vị! Chúng ta với Phật không khác, nhưng vì chúng ta chưa nhận đượ bản tâm của mình, nên làm chúng sanh; Chư Phật đã chứng được cái bản tâm ấy rồi, nên các Ngài thành Phật.

Vì vậy, thế hôm nay tôi giảng về vấn đề " Tu Tâm"



TU VÀ TÂM

Chữ "Tu" nghĩa là sửa; Sửa cái xấu trở lại cái tốt, sửa các dở trở lại hay, sửa cái quay trở lại phải, sửa phạm Thánh. Như nhà cửa hư hao, đất vườn u trệ, nay sửa lại cho tốt đẹp, như thế gọi là "Tu bố" Thân thể lười thối hành vi bản thủ, nay sửa lại cho đàng hoàng, như thế gọi là "Tu thân". Tâm tánh ô trược tham lam, tật đố, tà kiến, si mê v.v... nay sửa lại trở nên tâm tánh tốt đẹp, như thế gọi là "Tu Tâm".

"Tâm" là "cái hiểu biết phân biệt", cũng gọi là "phần tinh thần". Tâm không có hình tướng dài, ngắn, vuông, tròn, hay có màu sắc xanh, đỏ, trắng và vàng gì. Không thể dùng con mắt mà thấy được tâm; cũng không thể dùng tay chơn sờ đụng được tâm; chỉ o thấy cái tác dụng của nó, nên biết có tâm. Cũng như "điện", người ta không thể thấy nghe hay sờ mó được điện; chỉ do thấy cái tác dụng của nó mà biết có điện. Như cho điện vào neon, thì thấy đèn sáng, cho vào quạt thì thấy quạt xoay v.v.... Vì thế, nên người ta biết có điện- Tâm chúng ta cũng thế, vì nó có tác dụng thấy, nghe và phân biệt v.v... nên chúng ta biết có Tâm.

Tâm có chia làm hai phân; Chơn và Vọng. Đứng về phần chơn tâm (thế) thì không thể dùng lời nói luận bàn, hay tâm trí suy nghĩ được, mà cần phải tự chứng ngộ, nên trong kinh nói: " Rời tướng nói năng, rời tướng danh tự, rời tướng tâm duyên" Song đứng về phần "vọng tâm", thì có thể nói năng và phân biệt được.

Trong bài này, tôi chỉ bàn về "vọng tâm" (thức). Khi chúng ta hiểu biết và đẹp trừ được cái "vọng" rồi, thì "chơn tâm" hiện ra. Cũng như sóng lặng rồi, thì tánh nước bằng phẳng tự hiện.

Thưa quý vị! Như trên tôi đã nói: "Tâm không có hình tướng: dài, ngắn, vuông, tròn, hay xanh, đỏ, trắng, vàng gì, nên không thể dùng mắt thấy, tai nghe, hay sờ mó được Tâm. Song nhờ thấy cái tác dụng của nó nên chúng ta mới biết có "Tâm".

Mọi người không phải chỉ có năm " giác quan" mà có đều đến tám cái "Biết", tức là tám cái Tâm. Theo Duy thức học gọi là "Tám thức" (tám cái Biết). Tám cái Tâm này đều có chủ quyền thống lãnh mỗi chỗ; cũng như mỗi ông Vua ngự trị mỗi nước, nên trong Duy thức học gọi là "Tám Tâm Vương".



TÂM VƯƠNG

1. Trong lúc chơng ta mở mắt thấy các cảnh vật, biết được cảnh đây xanh, kia đỏ, đó trắng, nọ vàng v.v... Vì cái biết này thuộc về con mắt, nên trong Duy thức gọi là "Nhân thức" (cái biết của con mắt).

2. Lỗ tai chúng ta, khi nghe các tiếng, biết được tiếng hay, dở, phải, trái v.v... Bởi cái biết này thuộc về lỗ tai, nên trong Duy thức gọi là "Nhĩ thức" (cái biết của lỗ tai).

3. Lỗ mũi chúng ta, khi ngửi mùi, biết được đây là mùi thơm hay hôi v.v... cái biết đó thuộc về lỗ tai, nên trong Duy thức gọi là "Tỷ thức" (cái biết của lỗ tai).

4. Miệng chúng ta, khi nếm các vị, biết được vị này ngọt, lạt, cay, đắng, béo, bùi v.v... Cái biết này thuộc về lưỡi, nên trong Duy thức gọi là "Thiệt thức" (cái biết của lưỡi).

5. Thân thể chúng ta, đụng lửa biết nóng, xuống nước biết lạnh, mặc đồ mỏng biết mát, mang đồ mỏng biết mát, mang đồ dày biết nực, đụng đá biết cứng, cầm bông biết mềm v.v... Vì cái biết này thuộc về thân, nên trong Duy thức gọi là "Thân thức" (cái biết của thân). Cả năm thức này, khi chứng được quả vô lậu thì nó chuyển thành "Thành sở tác trí".

6. Trong khi chúng ta, mắt không thấy, tai không nghe, mũi không ngửi, miệng không nếm, thân thể không chạm xúc; nói cho gọn hơn, là trong lúc năm giác quan không tiếp xúc với trần cảnh, mà ý thức vẫn phân biệt tính toán: nhớ những cảnh đã qua, suy xét những điều chưa đến. Cái biết như thế, thuộc về "Ý thức". Như ngày hôm qua, chúng ta đi coi haut, tai không còn nghe tiếng Các Bồ tát Ma ha tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật đa v.v... mà trong ý thức vẫn còn mơ màng điệu bộ người haut, in như còn phưởng phát ở trước mắt, tiếng người ca như văng vẳng bên tai. Mặc dù không có cảnh vật hiện tiền phản ảnh vào 5 giác quan, mà ý thức chúng ta cũng vẫn tính toán phân biệt.

Một tỷ dụ nữa, như chúng ta chưa đi học, mà biết rằng mình học sẽ được, chưa làm ruộng, mà biết mình làm ruộng đây trúng hay that, chưa buôn bán, mà có thể đoán trước rằng, buôn bán đây lời hay lỗ; nghĩa là, những việc đã qua, chưa đến hay hiện tại, chúng ta đều suy xét biết được. Nhưng cái biết như thế, trong Duy thức học gọi là "Ý thức" (cái biết của Ý), cũng gọi là "Đệ lục thức" (cái biết thứ 6).

Cái Ý thức này, công dụng của nó lợi hại vô cùng. Nếu nó suy nghĩ tính toán những việc hay, tốt, thì thân chúng ta sẽ làm điều lành, miệng nói những lời phải, đều có lợi ích cho mình và người. Như các nhà tu hành khi niệm Phật, quán tưởng, tham thiền, nhập định v.v... cho đến lúc thành đạo, chứng quả, cũng nhờ công dụng của "đệ lục thức" này. Đến khi chứng được quả vô lậu, thì ý thức trở thành "Diệu quán sát trí"

Ở thế gian, kinh doanh được sự nghiệp lớn lao, hay làm những điều núi lở, sóng nghiêng, tội ác tày trời, cũng đều do ý thức này suy nghĩ lợi hại cả; nên trong Duy thức nói: " Công vi thủ, tội vi khôi". Nghĩa là; luận về công thì thức này có công hơn; còn nói về ác thì thức này cũng đứng đầu.

7. Quý vị đã rõ, mỗi người đều có 6 cái biết, nói bằng cách khác là 6 món cảm giác. Vậy bây giờ đây, chúng ta nên suy xét sâu thêm một tầng nữa: cái ý thức kia, tuy ở trong 3 thời quá khứ, hiện tại và vị lai, nó đều có công năng phi thường hơn 5 thức trước, nhưng có khi nó bị gián đoạn. Như khi chúng ta ngủ mê, hoặc chết giấc hay những lúc bị chụp thuốc mê, lúc ấy không phải chết, nhưng không biết chi cả, và những người tu Vô tướng định v.v... lúc bay giờ cũng không còn tính toán phân biệt gì nữa. Đây là những bằng chứng trong khi ý thức bị gián đoạn.

Qua các thời gian ấy, thì ý thức (cái biết thứ 6) lại khởi lên phân biệt như thường. Vậy trong lúc nó bị gián đoạn, chắc phải nương về một nơi nào? Chỗ ấy, theo Duy thức học gọi nó là "ý căn" (nghĩa là cái gốc của ý thức thứ 6). Tôi xin tỷ dụ để quý vị dễ hiểu, như đám cỏ cú kia, bị đá đè hay nắng rụi, đến lúc người ta dời viên đá nơi khác, hoặc gặp mưa xuống thì cỏ nức mọng mọc chồi. Cho biết trong lúc cỏ rụi, là nó chỉ trở về củ của nó, ẩn ở dưới đất mà thôi. Nếu cỏ kia không có củ, thì không làm sao nức mọng mọc chồi được. Còn ý thức thứ 6 cũng thế, khi không có phân biệt nó không phải mất hẳn mà chỉ trở về với gốc của nó là thức thứ bảy, nên trong Duy thức cũng gọi là "Ý căn" (gốc của ý thức). Theo tiếng Phạn gọi là "Mạt na thức".

Công năng của thức thứ bảy này là thường thường chấp Ta khác với người. Chúng ta đi, đứng, nằm, ngồi, không lúc nào quên được mình (ta). Khi đối với người nói chuyện, vừa mở miệng ra là đã nói "Tôi" (ta). Hay những lúc tình cờ cây rơi (rout), hoặc bị người đánh v.v... thì ta ngẫu nhiên đưa tay đỡ, tránh. Đây là những bằng chứng thức này cũng bảo thủ cái ngã (ta).

Lại nữa, khi sanh về cõi Trời, thì thức này chấp mình là Trời, sanh về cõi người, chấp mình là người, cho đến sanh làm loài vật, thì chấp mình là loài vật. Tóm lại, từ phàm đến Thánh, không một vị nào chẳng chấp có Ta, chỉ trừ những vị đã chứng được "Sanh-không trí"- Thức thứ bảy này, lại có công năng đem các pháp hiện hành, huân chứa vào một cái kho vô tận (Tàng thức); rồi từ cái kho ấy, đưa chúng từ các pháp ra, khởi hiện hành. Nếu không nhờ thức thứ bảy này, huân tập những việc thấy, nghe, hay, biết vào kho vô tận (Tàng thức), thì chúng ta không thể ký ức lại được một việc gì cả.

Như người nhiếp ảnh, nếu anh không đem cuộn phim ấy cất một nơi nào, thì đến khi muốn rọi lại, không bao giờ rọi được. Song chiếu lại được, thì biết anh có đem cuộn phim ấy cất. Thức này cũng thế, khi chúng ta đọc một bộ sách, hay nghe một việc gì, nếu không có thức này đem cất chứa vào kho vô tận, thì lúc xem qua khỏi mắt, tai hết nghe; nghĩa là, đến khi cảnh vật hiện tiền không còn nhớ lại một việc gì cả. Bởi có nhớ lại được, nên biết rằng nó có chứa đựng một nơi nào vậy.

Thế nên thức thứ Bảy này, cũng có tên là "Truyền tổng thức" (truyền vào và tổng ra). Đến khi chúng được quả vô lậu, thì thức này đổi tên là "Bình đẳng tánh trí"

8. Thừa quý vị! Cứ theo chánh giác và chánh lý mà phán đoán: đã có cái "năng phân biệt chấp ta" tức là thức thứ Bảy, thì cố nhiên phải có "cái ta bị chấp" là thức thứ Tám. Cũng như nói "tôi cầm viết"; đã có cái tay cầm, nhứt định phải có vật bị cầm. Vì thế nên thức thứ Tám cũng có tên là "Ngã ái chấp tàng" (bị thức thứ Bảy chấp làm ta).

Như trên đã nói: "Thức thứ bảy đem các pháp hiện hành luân chứa vào một nơi". Nếu đã có kẻ đem chứa, thì nhứt định phải có chỗ để chứa. Cũng như có người đem cát đổ vào kho, thì phải có cái kho để cất. Chúng ta từ nhỏ đến lớn, hoặc đọc được 100 bộ sách, hay làm không biết bao nhiêu công việc, trải qua trong một thời gian năm mươi năm, không nghĩ đến thì thôi, nếu một phen hồi tưởng lại những sách ta đã đọc và những việc ta đã làm, thì nó vẫn hiện rõ ràng, in tuồng như mới đọc và mới làm.

Một bằng chứng nữa: Chúng ta đi từ Nam chí Bắc. Xem không biết bao nhiêu phong cảnh, hay du lịch thế giới, thấy những vật lạ thường, khi trở về nhà, các cảnh vật ấy không còn thấy nữa; nhưng một phen nhớ lại, thì thấy rõ ràng như ở trước mắt, vẫn còn lớp lang tuần tự. Như thế thì biết rằng, phải có cái kho bằng tinh thần vô hình và vô tận (Tàng thức) để chứa đựng bao nhiêu hình ảnh của những cảnh ta đã xem, những sách

vờ ta đã đọc và những việc ta đã làm... Nếu không có cái kho vô tận này, để chứa giữ lại, thì những sách ta đã đọc và những cảnh ta đã xem và thôi đọc; nghĩa là phải quên liền khi các cảnh vật không còn hiện tiền phản ánh vào bộ óc nữa. Về sau chúng ta muốn nhớ lại cảnh vật đã qua, hay một bộ sách đã đọc, cũng không bao giờ nhớ được.

Vì thế nên biết phải có một cái kho vô hình chứa giữ lại. Cái kho ấy theo Duy thức gọi là "Tàng thức", nghĩa là "cái thức chứa"; vì nó chứa căn thân, khí giới và chủng tử các pháp vậy; cũng tên là "Đệ bát thức" (cái biết thứ tám). Theo tiếng Phạn gọi là "A lại da thức".

Đến khi chúng được quả vô lậu, thì thức này đổi tên là "Bạch tịnh thức", hay gọi là "Đại viên cảnh trí".

Thưa quý vị! Cố nhơn có làm một bài kệ, để cho chúng ta nhớ cái tài năng hay tác dụng của tám thức như sau:

Bát cá đệ huynh, nhứt cá si
Độc hữu nhứt cá tối linh ly
Ngũ cá moan tiền tổ mãi mại
Nhứt cá gia trung tác chủ y.

Nghĩa là: Trong tám an hem, thức thứ Bảy là si mê (ngã si), duy có thức thứ Sáu, rất khôn lanh (công vi thủ, tội vi khôi); còn Năm thức trước như người làm công ở ngoài cửa, chỉ lo buôn bán, tiếp rước khách hàng (tiếp xúc với 5 trần cảnh); một mình thức thứ Tám làm ông chủ nhà (chứa đựng).

Xem bài kệ này chúng ta có thể biết qua được khả năng của 8 thức, mà thức thứ 6 và thức thứ 7 là lợi hại hơn hết. Nếu thức thứ Bảy si mê, Bồ tát Ma ha tát Bồ tát Ma ha tát chấp ngã, thức thứ Sáu suy tính làm những việc tội ác, thì chúng ta muôn kiếp trầm luân, không bao giờ thoát ly sanh tử luân hồi được. Vì thế nên người tu Phật, lúc nào cũng phải dùng thức thứ 6 và thức thứ 7, quán nhơn vô ngã, để phá trừ si mê chấp ngã, dứt phiền não chướng; rồi quán pháp vô ngã, để phá trừ pháp chấp, dứt sở tri chướng. Khi ngã chấp và pháp chấp hết rồi, tức là phiền não chướng và sở tri chướng đã dứt, thì chúng được hai quả thù thắng là: Bồ đề và Niết bàn.

Vì thế nên trong Duy thức học nói: "Lục, thất nhơn trung chuyển; ngũ bát quả thượng viên". Nghĩa là: trong lúc tu nhơn, thì chỉ dùng thức thứ 6 và thức thứ 7; đến khi kết quả thì cả 5 thức trước, và thức thứ 8 cũng được viên thành.

Vì 5 thức trước như người làm công, không có quyền, còn thức thứ 8 chỉ có tài chứa đựng; duy có thức thứ 6 và thức thứ 7 này, nếu có công thì nó hạng nhưt, mà có tội nó cũng đứng đầu. Người học Phật đối với hai thức ấy, lúc nào cũng phải can thận và sửa đổi, như thế gọi là "Tu Tâm".



TÂM SỞ

Thưa quý vị! Từ trước đến đây, chúng tôi căn cứ theo tác dụng hiện thật của các giác quan và sách Duy thức mà giải thích, thì mọi người không những có 5 cái biết, mà phải có đến 8 cái Biết: Cái biết xem của mắt, cái biết nghe của tai, cái biết ngửi của mũi, cái biết nếm của lưỡi, cái biết cảm xúc của thân, cái biết phân biệt, so đo của ý thức, cái biết chấp ngã (ta) của thức thứ 7 và cái biết giữ gìn chứa lại của thức thứ 8.

Tám cái biết này, có sức tự tại và tự chủ, cũng như ông Vua, nên trong Duy thức gọi là "Tâm vương". Nhưng nếu chỉ có một ông Vua, thì dầu tài hay trí giỏi đến đâu, cũng không thể làm gì được, nên ngoài Vua ra, còn phải nhờ Quân thần, binh tướng mới có thể đánh Nam dẹp Bắc, sửa trị nước nhà, hoặc kinh doanh sự nghiệp vĩ đại trong nước.

Tám thức tâm vương cũng thế, nếu chỉ có tâm vương (vua) mà không có tâm sở (9 quân thần) thì tâm vương này cũng như người làm vua mà không có binh tướng; thì không thể tạo tác những điều tội ác hay từ thiện được. Bởi thế nên ngoài 8 thức tâm vương này, còn có 51 món sở hữu của tâm vương, theo Duy thức học gọi tắt là "Tâm Sở"

Trong 51 món tâm sở, chia làm sáu đẳng phái: 1, biến hành, 2. Biệt cảnh, 3. Thiện (lành), 4. Căn bản phiền não, 5. Tùy phiền não, 6. Bất định. Trong đây có hai đẳng quan trọng nhất là: Lành (thiện) và "Dữ" (phiền não).

Hai đẳng này, rất nghịch nhau và thường chiến tranh nhau luôn. Mỗi khi đạo binh hiền lành chiến đấu thắng được giặc phiền não (ác), thì chúng ta trở nên Hiền như Quân tử, hoặc thành Bồ tát hay Phật. Trái lại, nếu bên ác là giặc phiền não, chiến đấu được thắng, thì chúng ta mất tự chủ, nó sai sử chúng ta phải say mê theo tử, sắc. Cụ thọ Thiện Hiền lại thưa Phật rằng: tài, khí v.v..mất hết tự do làm cho tánh tình ta xấu xa, thấp hèn chỉ đê tiện, hành vi tội tày, trở thành kẻ tiểu nhân, hoặc đọa địa ngục, ngạ quỷ hay súc sanh.

Thế nên người tu hành, điều cần yếu là luôn luôn lúc nào cũng chiến đấu làm sao cho thắng được giặc phiền não ở tâm mình, như thế gọi là "Tu Tâm".

Vậy chúng ta cũng nên biết rõ, đạo binh hiền từ ở nơi tâm ta, có bao nhiêu binh sĩ, tên họ tánh tình, hình dáng và tài năng thế nào? Rồi chúng ta cũng phải biết giặc trong tâm ta, có bao nhiêu tên, đầu đảng là ai, thế lực họ tánh tình, hình tướng và tài năng của giặc

ra sao? Khi biết được tài năng binh mình, thấy rõ được sức giặc, thì chúng ta mới mong thắng được giặc. Hôm nay tôi xin tuân tợ kể bày, để quý vị được rõ. Trong tâm ta, về khối Ác là giặc phiến nào có 30 tên.



CĂN BẢN PHIỀN NÃO

1. Tham: là tham lam. Người tham lam, tánh hay để ý dòm rình những cái gì họ ưa thích: tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, miếng ăn, chỗ ở v.v... Rồi họ lập mưu này kế nọ, để tìm kiếm cho được, được mấy cũng không vừa, nên tục ngữ có câu: " Bể kia dễ lấp, túi tham khó đầy!". Tham cho mình, rồi tham cho bà con quyến thuộc. Nói rộng ra, tham cho cả quốc gia, xã hội của mình.

Cũng vì lòng tham, mà nơn loại tranh giành xâu xé cướp bóc giết hại lẫn nhau, chịu không biết bao nhiêu điều thống khổ. Tham không những có hại cho mình về hiện tại. Tham không những có hại cho mình về hiện tại, mà còn liên lụy đến người và về tương lai nữa là khác.

Phật-tử tự xét mình, nếu có tâm tham lam, phải tập tánh thiếu dục tri túc, bỏ dần lòng tham đi; như thế gọi là "Tu Tâm".

2. Sân: là nóng nảy. Người có tánh nóng nảy, gặp những việc trái ý thì nổi nóng lên, trong tâm bực tức, không an, ngoài mặt nhăn nhó, xấu xí vô cùng, mắt đỏ tía hoặc tái xanh. Bộ dạng thô bỉ, thốt ra lời nói thiếu nhã nhặn, có khi đánh đập hoặc chém giết người. Phật tử chúng ta, mỗi khi nổi sân lên, chắc có lấy kiến rọi mắt mình, thật "ngộ" hết sức...không phải là Phật-tử chút nào! Tánh "nóng nảy" rất có hại: làm cho ánh em chẳng ưa, trong gia đình không được hòa nhã, ngoài xã hội chẳng được kính yêu. Nhiều người vì nóng nảy mà đánh đập vợ con. lắm khi phải mang bệnh tật suốt đời, hoặc giết hại đồng bào, chủng loại. Cũng có người vì quá nóng nảy mà làm hư danh giá, quyền lợi và cả đời tu của mình. Trong kinh Hoa-Nghiêm, Phật dạy : "Nhứt niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng moan khai": Một niệm lòng sân hận nổi lên, thì trăm ngàn cửa nghiệp chướng đều mở ra. Thuở xưa, ông Uất-Đầu-Làm-Phất, vì sân mà phải đọa làm con phi-ly trùng. Ông Độc Giác Tiên Nơn cũng vì sân, mà mất cả năm phép thần thông. Trong kinh nói: " Nhứt sân chi hóa, năng thiêu vạn khoảnh công đức chi sơn". Nghĩa là: một đóm lửa sân, có thể đốt hết muôn mẫu rừng công-đức. Chúng ta thấy, trong hàng Phật tử, có người phát tâm tu được 5,7 năm hoặc đôi ba năm, cũng có thể gọi là người có công với Đạo. Một khi gặp cảnh nghịch, nổi sân lên rồi bỏ hết: Phật pháp không tưởng, việc Đạo cũng

chẳng làm, trái lại còn tìm cách phá hoại. Thật "đốn củi ba năm chỉ tiêu trong một giờ", rất uổng cho công trình tu tập bao nhiêu năm của người ấy!

Tổ xưa có quở rằng: "Sân si nghiệp chướng không chừa, bo bo mà giữ tương đưa gì!" Sân rất có hại như thế, hàng Phật tử chúng ta phải tu pháp nhẫn nhục để lần lần dẹp lòng sân; như thế gọi là "Tu Tâm".

3. SI: là si mê (có chỗ gọi là vô minh). Đối với sự vật hiện tiền, tâm tánh mờ ám, không có trí huệ sáng suốt để phán đoán việc hay, dở, tốt, xấu lợi hại v.v... nên mới làm những điều nhiễm ô tội lỗi, có hại cho mình, và người (theo thế tục gọi là "dại" hay "ngu"). Cái Si này thường ám ảnh trong tất cả việc làm, hại người chẳng phải nhỏ, mà nhứt là khi tham và sân.

Như anh chàng thanh niên kia, biết cô mỹ nơn nọ bị ho lao và có bệnh truyền độc... Nhưng đến khi si mê ám ảnh, thì anh không còn thấy vi trùng lao và bệnh truyền độc nữa.

Một người tham tiền, đánh bài bạc, mê đề, vì si mê ám ảnh, nên đến lúc thua hết của tiền mà cũng không chán.

Có một người vì lòng tham, si nổi lên, giữa lúc ban ngày đông người, vào tiệm giựt vàng.

Lính bắt được hỏi: "Anh không thấy lính tráng ở chung quanh và không sợ tù tội sao?" Anh trả lời rằng: "Lúc đó tôi chỉ thấy vàng thôi; nếu thấy lính tráng tội, thì tôi đâu dám làm như thế!"

Đây là những bằng chứng, trong lúc tham, vì có si mê ám ảnh, nên anh chàng thanh niên kia phải mang bệnh ho lao và truyền độc; người đánh bạc nọ mới hết cửa hết nhà; anh giựt vàng kia mới mang gông cùm từ tội! Nếu trong lúc ấy, được sáng suốt, phân biệt lợi hại, thì anh thanh niên kia có thể thắng lại được dục vọng của mình, đâu có lâm bệnh hiểm nghèo như thế; người đánh bạc, cậu giựt vàng, có thể thắng được lòng tham, không đến nỗi bị hết cửa và mang tù tội. Cho biết trong lúc tham mà có Si, thì có hại rất lớn! Khi nóng giận cũng vậy, nếu trong lúc nóng giận mà sáng suốt, biết suy xét việc lợi hại, lúc ấy có thể dần bớt sự nóng giận ít nhiều! Trái lại vì bị si mê ám ảnh, nên nói càn làm bướng, đến khi hết giận rồi thì tội lỗi quá nhiều! Nên lời tục nói: "A «nóng mắt ngon, giận lắm mắt khôn" là vậy.

Có nhiều người trong lúc nóng giận, đánh đập vợ con đến tàn tật, phá hoại nhà cửa cho đến tiêu tan, hoặc uống thuốc độc hay trầm mình, để cho thoát kiếp thân đau khổ! Những tai nạn như thế, đều do si mê ám ảnh cả.

Tổ sư có dạy rằng: "Bất úy tham sân khởi, duy khủng tự giác trì!"; nghĩa là không sợ tham và sân nổi lên, mà chỉ sợ mình tự giác ngộ chậm. Nói cho dễ hiểu, là không sợ tham, sân mà chỉ sợ si mê đó thôi. Nếu tham, sân nổi lên, mà ta sáng suốt phán đoán kịp thời, không có si mê, thì tham sân kia cũng chẳng làm gì được. Người học Phật phải dẹp trừ lòng si mê của mình, lúc nào cũng phải sáng suốt đối với tất cả mọi việc. Như thế gọi là "Tu Tâm".

4. MẠN: là ngã mạn cống cao. Nói theo lối thông thường có hơi thô một chút là "phách lối" lấn lướt, hiếp đáp người. Vì ý tiền tài, tài năng và quyền thế của mình mà khinh rẻ người, chẳng kính người già cả, không kể người phước đức. Bởi hiêu hiêu tự đắc, coi không có người (mục hạ vô nhơn) nên chẳng ai ưa. Vì lòng ngã mạn, cho mình hơn ai hết, không kính phục người, nên bị tổn đức. Vì thế mà phước lành tổn giả, tội lỗi càng thêm, nên phải sanh tử luân hồi, không bao giờ cùng tột. Người học Phật nên tự kiểm thảo mình, nếu có ngã mạn cống cao thì phải cố gắng dẹp trừ đi. Như thế mới phải là Phật tử, và như thế mới gọi là "Tu Tâm".

5. NGHI: là nghi ngờ. Đối với đạo lý chơn chánh, lại nghi ngờ không tin. Những pháp tu giải thoát và điều phước thiện, lại do dự chẳng làm. Nó chướng ngại lòng tin, cản trở việc từ thiện. Nghi có ba: 1-Nghi mình. Như nghe nó: "Tu hành sẽ được giải thoát", rồi từ nghi ngờ: không biết mình đã có tu được hay không? Vì lòng nghi ngờ, do dự ấy, nên không chịu tu. 2.- Nghi người; nghĩa là nghi người dạy mình. Như có người dạy ta: "Làm lành được phước, làm ác sẽ bị tội". Chúng ta nghi: không biết người ấy nói có thiệt hay không? Bởi nghi nên không làm 3. Nghi pháp; như nghe lời Phật dạy: "Người chí tâm niệm Phật, từ một ngày cho đến bảy ngày được rút tâm, thì người ấy đến khi lâm chung, sẽ được Phật Di Đà tiếp dẫn, sanh về nước Cực lạc", rồi họ nghi rằng: phương pháp ấy không biết kết quả có đúng như vậy hay không? nên họ chẳng siêng tu.

Nói tóm lại, vì lòng nghi ngờ, nó cản trở nhiều điều tiến triển. Những người có tánh đa nghi, đối với bạn bè, họ thấy không có ai là người tin cậy. Trong gia đình họ thấy

không có người nào là thân mật. Phật tử nên cẩn thận đề phòng mọi việc, nhưng phải cương quyết dẹp trừ tánh nghi ngờ. Như thế gọi là "Tu Tâm".

6. THÂN KIẾN: là chấp nhận thân ngũ ấm, tứ đại giả hợp này là "Ta". Hoặc nghe theo lời tà giáo nói: "Người có 3 hồn, 7 vía, linh hồn, thể phách v.v..." rồi chấp 3 hồn 7 vía v.v... đó là Ta. Vì chấp "Ta thật có", nên kiếm món này vật nọ để cho ta ăn, sắm kiêu kia cách nọ để cho Ta mặc, lo cất nhà cửa, mua ruộng vườn để cho Ta dùng, tranh danh đoạt lợi, mỗi mỗi cũng vì Ta! Không những lo cho Ta, mà lại lo cho cả gia đình, quyền thuộc, quốc gia và xã hội của ta nữa. Vì "chấp Ta" mà tạo ra nhiều tội lỗi: lo tranh danh đoạt lợi cho ta hưởng, xâu xé cướp giựt nhau để cho quốc gia xã hội Ta dùng. Vì thế, nên thế giới đạn bay như mưa, bom nổ như pháo, máu chảy thành sông, xương chất tọng múi!

Hàng Phật tử chúng ta, phải sáng suốt quan sát thân giả này giả hợp không có thật có. Hễ phá trừ thân kiến rồi, (chấp Ta) thì tánh ích kỷ vị ngã không còn, nên không tạo những điều tội lỗi vì bản ngã nữa. Như thế gọi là "Tu Tâm".

7. BIÊN KIẾN: là chấp một bên, hoặc chấp chết rồi còn hoài, hay chấp chết rồi mất hẳn.

Một, vì chấp có Ta, nên có người chấp "Ta" chết rồi còn hoài không mất: Người chết vẫn sanh làm người, thú chết sanh trở lại thú, Thánh nhơn chết trở làm Thánh nhơn. Vì chấp như vậy, cho nên chẳng sợ tội ác, và cũng không cần tu thiện; bởi họ cho tu cũng vậy không tu cũng vậy. Do chấp cái "Ta" thường còn không mất có hại như thế, nên trong kinh Phật gọi là "Thường kiến ngoại đạo".

Hai, có người chấp "chết rồi mất hẳn". Vì họ thấy bầu thế giới mệnh mang, không gian vô tận, chết rồi là mất chớ có thấy tội phước gì đâu! Thấy đời sống của mình chết rồi không còn giá trị chi hết, nên mặc tình làm những điều tội lỗi. Họ nói rằng: "Tu nhơn tích đức già đời cũng chết; hung hoang bạo ngược tận số cũng không còn". Biết bao người vì chấp chết rồi là hết, nên mỗi khi gặp cảnh nghịch lòng, nhứt là tình duyên trắc trở, họ không trầm tĩnh sáng suốt tìm phương pháp để xử trí. Cứ cho chết rồi là hết đau khổ, nên họ tự liều mình với chén thuốc độc hay dòng sông sâu! Chớ họ không biết rằng chết rồi đâu có phải là hết khổ! Bởi chấp chết rồi mất hẳn có hại như vậy, nên trong đạo Phật gọi là "Đoạn kiến ngoại đạo".

Thật ra người chết không phải thường còn và cũng không phải mất hẳn, mà theo nghiệp lực lành hay dữ luân hồi.

Người Phật tử phá trừ hai món chấp trên, như thế gọi là "Tu Tâm".

8. KIẾN THỦ: là bảo thủ sự hiểu biết sai lầm của mình. Đây có hai cách: 1. Hành vi của mình sai lầm, ý kiến lại thấp thỏi, nhưng không tự hiểu biết, lúc nào cũng bảo thủ cho mình là hay giỏi, đúng đắn hơn hết, ai nói cũng chẳng nghe. 2. Biết mình như thế là sai, nói như vậy là dở, nhưng cứ bảo thủ cái sai và cái dở ấy, không chịu thay đổi.

Như có người, ông bà trước đã lỡ theo tà đạo, nay con cháu vẫn biết đó là tà, nhưng cứ theo như vậy mãi không đổi. Họ bảo rằng: "Xưa sao nay vậy!". Hay như có người, cha mẹ trước đó có làm nghề tội lỗi, qua đến đời con, cứ bảo thủ nghề ấy, không chịu thay đổi.

Nói cho rõ hơn, là những tục lệ trong thế gian, như mỗi năm phải làm trâu bò để tế thần; khi người chết phải làm heo bò cúng kiến, mỗi kỳ tuần tự hay giỗ quảy, phải đốt giấy tiền vàng bạc áo quần kho phướn; mỗi năm phải hội họp để cúng tà thần ác qui v.v... Người học Phật phải dẹp trừ "kiến thủ", như thế gọi là "Tu Tâm".

9. GIỚI CẤM THỦ: là giữ theo giới cấm của ngoại đạo tà giáo. Cấm một cách vô lý không phải nhân giải thoát mà chấp là nhân giải thoát. Như bên A-Độ có những phái ngoại đạo leo lên cây cao nhảy xuống, gieo mình vào lửa v.v... có đạo mỗi năm phải giết một người tế thần; như đạo của anh Vô Nãi, phải giết cho đủ 1.000 người mới đắc đạo. Người học Phật phải dẹp trừ "giới cấm thủ", như thế gọi là "Tu Tâm".

10. TÀ KIẾN: là chấp theo lối tà. Phàm chấp những cái gì không chơn chánh đều thuộc về tà kiến. Nói bằng cách khác là "mê tín". Như thờ đầu trâu, đầu cọp, bình vôi, ông táo, xin xăm, bói quẻ, coi ngày, tìm huyết, buộc tom, đeo niệt, coi sao, cúng hạn v.v... Thật ra người học đạo nên coi chỗ tạo nhơn của mình lành hay dữ, chánh hay tà mà thôi, chớ không nên coi bói làm gì. Nói rộng ra thì gồm cả bốn chấp trên đều về tà kiến.

Hàng Phật tử phải dẹp trừ "Tà kiến", như thế gọi là "Tu Tâm".



TÙY PHIỀN NÃO

Thưa quý vị! Mười món phiền não tôi vừa kể trên, trong kinh gọi là "Thập thiết". Nghĩa là 10 món này xiềng-xích này nó xiềng- xích trói cột chúng-sanh không giải-thoát được sanh-tử luân hồi; cũng kêu là "thập-sử", vì nó sai sử chúng ta làm nô lệ cho thất tình lục dục lẫn lộn trong ba cõi (Dục-giới, Sắc giới, Vô-sắc-giới) và quanh quẩn sáu đường (Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Thiên, Nhơn, A-tu-la) chịu khổ. Người học Phật phải phá trừ 10 cái xiềng xích này thì mới được tự do giải thoát và mới khỏi làm nô lệ cho thất tình, lục dục. Như thế gọi là "Tu Tâm".

Mười món trên đây, trong Duy-thức gọi là căn bản phiền não; nghĩa là 10 món phiền não gốc. Từ 10 món phiền não gốc này, sanh ra 20 món chi-mạt phiền não sau đây, trong Duy thức gọi là "Tùy phiền não", nghĩa là phiền-não chi-mạt từ nơi gốc mà sanh ra.

11. Phẫn: là tức giận. Do đối với nghịch cảnh, trước hết nổi nóng lên (sân), kể đó sanh ra tức giận ghen ngào, nói chằng ra tiếng, hoặc tuôn ra nước mắt lộ ra gương mặt hầm hừ, bộ dạng hung hăng, mắt tánh ôn hòa nhã nhặn. Vì tức giận nên mới đánh đập chưởi mắng người, làm những điều tội lỗi. Vì tức giận mà đập bàn, vỗ ghế, la ó ray rà, mất hết tư cách của người Phật-tử. Vì tức giận mà đánh người một cách tàn nhẫn; chẳng biết đã tay; giết người như chém chuối, không chút đau long!... Cũng có người tức giận bởi tình duyên trace trở, mà đâm ra liều mình tự tử, uống thuốc độc hay trầm mình, hoặc giết con, đốt chồng v.v... như trên mặt báo thường kể.

Hàng Phật-tử chúng ta ôn hòa nhã nhặn; mỗi khi long tức giận nổi lên, phải định tâm niệm Phật, để dần nó xuống. Như thế gọi là "Tu Tâm"

12. Hận: là hờn. Có 2:1. Hờn mát, nghĩa là hờn một chút thôi. 2. Hờn thiệt, nghĩa là gặp việc gì trái ý, hờn hoài không bỏ. Người có tánh hờn mát, thì hay hờn lắm, dù là việc không đáng, nhưng chỉ hờn trong giây lát thôi. Còn người hờn thật, thì ít hay hờn, nhưng mỗi khi hờn, thì ít có bỏ qua được. Như lời tục nói "Hờn thâm xương"

Vì gặp nghịch cảnh, trước sanh ra nóng giận, sau khi giận không bỏ qua được, nên mới có "Hờn". Vì hờn nên ôm ấp oán thù. Bởi ôm ấp oán thù, cho nên lập mưu này kẻ nọ, để gặp cơ hội thuận tiện đặng trả thù. Như lời tục nói "Thù xưa chẳng đội trời chung" là vậy.

Cái "Hòn" này tuy nó ngấm ngấm, mà dễ sợ lắm! Cũng như lửa than, mỗi khi gặp bồi hay bụi nhùi, có hơi gió thổi, thì nó cháy phừng lên. Người ôm long "hòn oán" cũng thế: Nó chỉ ngấm ngấm trong tâm mà thôi, mỗi khi có người chọc ghẹo đến, hoặc gặp những việc trái ý, mặc dù chẳng xứng đáng chi, nhưng cũng nổi nóng lên làm dữ.

Người đáng lúc ôm ấp cái "hòn", thì gặp cảnh nào cũng hướng mắt, thấy ai cũng muốn gây. Gặp những người như vậy, chúng ta không nên chọc ghẹo đến họ. Phật-tử chúng ta, quán sát cái "Hòn", có hại như thế, và trong lúc ta hòn người, sẽ nặng long mình! Sách nói: "Oán gia nghi giải bất nghi kiết" (việc oán thù nên cởi mở, không nên trói cột). Suy xét như vậy mà dẹp trừ dần đi. Như thế gọi là "Tu Tâm".

13. Nã: là buồn rầu, bout rout. Vì gặp những việc trái ý trước nóng giận và hòn, bởi không bỏ được, nên mới có buồn. Buồn man mác, bout rout nơi long không vui được, hiện ra ngoài gương mặt buồn buồn! Cần cần, cừ rừ, hoặc chẳng muốn nói cười. Ai có hỏi đến thì nói xuôi xị, nếu ai động đến thì gây liền.

Cái buồn man mác này tuy không ra gì, chớ khó long lắm! Nhứt là khi tụng kinh, niệm Phật nó thường nổi lên. Nếu chúng ta không hỷ xả được, thì nó làm cho ta buồn mãi không vui, có nhiều khi phải thôi chí với đạo.

Chúng ta cũng nên phân biệt cho rõ: Nóng (sân), Giận (phán), Hòn (hận). Buồn (nã), bốn món tâm sở này khác nhau, từ hành tướng cho đến công-năng đều khác. Nếu không khác, thì sao có 4 danh từ khác nhau. Tôi xin tạm thí-dụ để quý vị dễ nhận: Sân (nóng) cũng như lửa rơm, nó chỉ cháy bùng lên, một cách cấp tốc. Giận cũng như lửa củi, phừng phừng cháy tới, khó dập tắt liền được. Hòn, cũng như lửa than, không lên ngọn mà vẫn cháy hoài, nóng lắm. Buồn, cũng như ngọn lửa tàn, tuy hết cháy chớ nó còn vùi trong tro nóng, và cũng nóng hằm cả buổi mới nguội.

Hàng Phật-tử chúng ta cố gắng dập tắt lửa long, không còn chút gì ham nóng; làm sao cho tâm mình mát mẻ như nước ao A-Nậu (thanh lương thủy). Như thế gọi là "Tu Tâm".

14. Phú: là che giấu tội lỗi của mình. Mình làm điều gì sai quấy, không chịu phát-lò sám hối; vì sợ người ta biết rồi xấu hổ, mất danh tiếng và quyền lợi của mình, nên che giấu. Đâu biết rằng "ai cho khỏi lỗi"; người có lỗi mà biết phát-lò sám hối là một điều hay, làm cho ai nấy điều chứng biết tội lỗi của mình; từ đó về sau mình không dám làm

nữa. Cũng như cái áo dơ có giặt, thì áo mới sạch, nhọt được mỡ rửa, thì nhọt mới mau lành. Trái lại, che giấu thì tội lỗi càng thêm; trong lòng ăn năn buồn bã không an. Cũng như mụn ghẻ không chịu mỡ rửa, thì nó đau nhứt nhiều ngày, áo dơ chẳng giặt thì mùi hôi không hết. Bởi thế, người tu Phật có lỗi không được che giấu mà phải phát-lò sám hối, tội ấy mới được trong sạch. Theo thường lệ, Phật-tử mỗi tháng phải phát-lò sám hối hai lần, là ngày 14 và 29(tháng thiếu 28), thì tội nghiệp mới được tiêu trừ. Như thế mới gọi là "Tu Tâm".

15. Tật: là tật đố, ganh ghét. Thấy người có tài hay, danh tiếng tốt, đức cao quyền trọng, mình sanh lòng đố k'ehen ghét. Thấy người vinh hiển, mình lấy làm xốn mắt, chướng tai, trong lòng xốn xang khó chịu, lộ ra cử chỉ nhún trề, háy nguýt, kiếm chuyện nói xấu, làm cho giảm danh giá của người. Đây là tánh tiểu nhơn, người tu Phật phải cố dẹp trừ tâm tật đố. Như thế gọi là "Tu Tâm".

16. Xan: là bòn xén rít-rắ.; người đòi kêu là hà tiện. Có tiền của rất nhiều, nhưng không chịu đem bố thí giúp đỡ cho ai; từ vật nhỏ cho đến vật lớn, dù gặp người đói rách hoạn nạn cũng mặc tình. Biết được nghề hay, hay hiểu được giáo pháp, không chịu chỉ dạy cho người; dù có dạy cũng sơ sài mà thôi; thà cheat đem theo. Chớ không muốn dạy người. Làm bộ tịch như người quê mùa nghèo khó, ăn không dám ăn, mặc không dám mặc. Chứa để của cải, đến đôi hồi thúì, hư mục rồi đem đổ bỏ; tiền bạc để mỗi ăn, rồi trách đất kêu trời, chớ chẳng bố thí một xu, hay cho người một lon gạo.

Người tánh tình-rít rắ ấy, hiện đời không ai ưa, sau cheat rồi làm loài ngựa quí. Hàng Phật-tử chúng ta, phải tự xét lấy tâm mình, nếu có tánh bòn xén về tài sản hay giáo pháp phải mau sửa đổi đi. Như thế gọi là "Tu Tâm".

17. Cuồng: là dối gạt người. Vì cầu danh-lợi, nên dối hiện như người thật thà, hiền hậu, hoặc làm như người tu hành có phước đức lắm. Miệng Phật tâm rắ, lập những hạnh lạ thường, làm nhiều điều khác chúng, bày những việc không thật, gait gắ, phỉnh phờ người, để trông cầu danh tiếng tài lợi. Người học Phật phải tự kiểm điểm mình, nếu có tánh dối trá ấy, phải sửa đổi liền đi. Như thế gọi là "Tu Tâm".

18. Kiêu: là kiêu căng. Ý mình giàu có, quyền thế, danh vọng, hoặc tài hay rồi kiêu-căng, phách lối coi người không ra gì, khinh người không thèm tiếp, gặp người chào hỏi chẳng trả lời; hiêu hiêu tự đắc, mục hạ vô nhơn. Người có tánh kiêu-căng thì chẳng ai

ura tự tổn âm- đức của mình. Phật tử chúng ta, tự xét lấy mình nếu có tánh kiêu căng này phải mau sửa đổi. Như thế gọi là "Tu Tâm"

19. Siễm: là bợ đỡ, dua nịnh. Đối với người có quyền thế hoặc giàu có v.v... bợ đỡ, nịnh hót, chịu uốn cho được lòng người. Làm bộ cung kính và khen ngợi người, trau chuốt lời nói không thật, để lợi dụng tiền của quyền thế hoặc công lao của người. Phật tử chúng ta, tự xét lấy mình, nếu có tánh bợ đỡ dua nịnh, phải sửa đổi đi. Như thế gọi là "Tu Tâm" .

20. Hại: là làm tổn hại. Đối với các loài hữu tình đã không có lòng từ bi thương xót, lại làm tổn hại chúng nó. Mặc dù những loài vật ấy không động phạm đến mình, nhưng hễ gặp đến thì vẫn muốn giết hại, như cào cào châu chấu v.v... nếu không ngắt cánh, thì cũng bẻ giò. Một tỷ-dụ nữa: như trái cây của người, những trái dùng được thì hái ăn đã đành, còn những trái non nớt, ăn không được cũng bẻ phá. Tánh phá hại này làm tổn hại đức "Bi" của mình. Người học Phật cần phải sửa đổi. Như thế gọi là "Tu Tâm"

21. Vô Tâm: là không biết hổ.

22. Vô Quý: là không biết thẹn. Nghĩa là: làm việc sai quấy, đối với lương tâm mình không biết hổ, đối với người khác mình không biết thẹn. Thấy người Hiền không biết kính trọng, gặp việc phải chẳng màng. Bởi làm việc quấy không sợ người chê cười, nên tội ác mỗi ngày càng thêm lớn. Người không biết hổ thẹn, thì không đủ tư cách làm người, bị chúng khinh cười, không còn giá trị.

23. Điều cử: là lao chao. Tâm tánh lao chao không được trầm tĩnh. Nhiều khi thổ lộ nơi thân: nhịp vế rung đùi, đứng ngồi lật đật. Phát hiện nơi miệng: nói năng lấp bắp, cười cợt không ngừng. Người tánh neat lao chao, thì không ra người lớn. Nếu người có tư cách Đại nhơn, như là nhà Tu sĩ, phải cố gắng hàng phục tâm điều-cử này. Nếu thắng được nó, thì mới trở nên người đàng hoàng, đứng đắn. Tu như thế gọi là "Tu Tâm".

24. Hôn Trầm: là mờ mịt. Như trong lúc chúng ta nghe kinh, ngồi nghe một hồi rồi mơ màng, ngủ không phải ngủ, vì tai vẫn nghe nói pháp vắng vắng; nhưng không nghe rõ vị Giảng-sư nói gì. Một tỷ-dụ khác: như trong lúc chúng ta ngồi yean, tưởng Phật hay niệm Phật, tưởng niệm một hồi tâm mơ màng rồi ngủ gục, không còn biết tưởng niệm gì nữa cả.; mặc dù tay đương lần chuỗi, miệng vẫn niệm Phật.

25. Tán Loạn: là rối loạn. Tâm nghĩ xằng xiêng tản mát, phân biệt lằng xằng, rong ruổi theo cảnh trần. Bởi tán loạn nên tâm không định, vì tâm không định, nên không phát sanh trí huệ, do không trí huệ, nên không đoạn được vô minh phiền não. Phiền não không đoạn thì không bao giờ thành đạo, chứng quả được. Tỉ dụ như cái đèn bị gió xao, không đứng yean, nên không sáng tỏ. Bởi không sáng tỏ, nên không phá trừ tối tăm. Tâm tán loạn làm chướng ngại chánh định và huệ. Người học Phật phải cố gắng dẹp trừ. Như thế gọi là "Tu Tâm"

Thưa quý vị! Bạch Thế Tôn! Ba món tâm sở: điều cử (lao chao), hôn trầm (ngủ gục) và tán loạn này, in tuồng không hại chi lả; nhưng đối với người tu hành, nó rất chướng ngại! Ví trong khi tụng kinh, niệm Phật, tham thiền, quán tưởng, thì phần nhiều bị tâm sở điều cử và tán loạn nổi lên: Nghĩ nhớ xằng xiêng, hết chuyện này đến chuyện khác. Có khi những chuyện đã qua 5,10 năm về trước, song đến lúc tụng kinh, niệm Phật, thì nó đua nhau khởi lên không sót một việc. Khi biết đó là tán loạn, là vọng tưởng, hành giả liền dẹp trừ không tưởng đến, nhưng vừa bỏ được chuyện này, thì nó khởi lên chuyện khác. Hoặc những việc làm ăn hằng ngày, đến khi tụng kinh, niệm Phật nó lại nổi lên hết. Khi dẹp trừ tâm sở tán loạn (vọng tưởng) vừa êm êm, thì tâm sở hôn trầm (ngủ gục) lại nổi lên. Hành giả phải cố gắng để tâm, cử niệm, dẹp trừ được hôn trầm (ngủ gục) thì tán loạn nổi lên.... Tán loạn, điều cử và hôn-trầm 3 món tâm sở này, thay nhau khuấy nhiễu người mới tập tu thiền, niệm Phật không ít. Thắng được Bạch Thế Tôn! món tâm sở này không dễ, mà có thắng nó mới được thành công. Hành giả phải trải qua một thời gian hơi lâu và dụng công nhiều mới thắng được.

26. Phóng Dật: là buông lung, không biết tự kềm thúc lấy mình. Tánh nghinh ngang không trọng kỷ luật, không giữ giới pháp của mình đã thọ. Nói năng, giỡn cười tự do muốn làm gì thì làm, người khuyên nhắc không nghe, nên ác nghiệp mỗi ngày càng tăng, phước lành tổn giảm. Người đời vì tánh buông lung cỡ bạc rượu trà, ăn chơi phá tán, nên nhiều khi của cải tiêu tan, thân thể bệnh hoạn. Người tu Phật, phải dẹp trừ tánh buông lung này, thì tu hành mới được thành công. Tu như thế gọi là "Tu Tâm"

Quý vị cũng nên phân biệt một chút, để cho rõ hành tướng của Bạch Thế Tôn! món tâm sở này:

1.- Điệu cũ là tâm lao chao; 2- Tán loạn là tâm vọng tưởng, rối loạn; 3- Phóng data là tâm buông lung. Tôi xin tỷ dụ để cho rõ 3 món tâm sở này:

1.- như con ngựa cột ở trong chuồng, tuy đứng một chỗ, nhưng đầu và mình vẫn lắc qua, lắc lại, như thế là dụ cho tâm lao chao. 2- Con ngựa không còn bị cột đứng một chỗ nữa, nó chạy tới chạy lui lằng xằng trong chuồng, như thế dụ cho tâm tán loạn. 3.- Đến lúc ngựa tung chuồng, rong ruổi theo cái, hoặc phá hại khoai bắp của người v.v...như thế dụ cho tâm buông lung. Hành tướng của Bạch Thế Tôn! món tâm này, khác nhau như thế.

27. Bất Tín: là không tin. Không tin như quả tội phước, không tin giáo pháp chơn chánh của Thánh Hiền, không tin điều hay lẽ phải. Vì không tin cho nên không làm, vì không tin cho nên sanh ra biếng nhác, ưa thích những điều ô nhiễm, làm cho tâm tánh đen tối. Hàng Phật-tử phải trừ tâm bất tín. Như thế gọi là "Tu Tâm"

28. Giải Đãi: là biếng nhác, trễ nãi. Bất luận việc nhỏ hay việc lớn, đều biếng nhác không muốn làm. Giả sử có làm thì cũng sơ sài, cầu thả hoặc nửa chừng rồi bỏ, làm chừng nào rồi cũng được. Trong giới sĩ, nông, công, thương các nghề nghiệp, nếu người có tánh giải đãi thì công việc khó thành, dầu có thành cũng không được tốt đẹp. Người tu hành do dãi dãi nên lâu được thành đạo, chứng quả. Vô số kiếp về trước, Phật Thích Ca và Đức Di Lặc, hai ngài đồng thời tu hành. Đức Thích Các Bồ tát Ma ha tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật đa nhờ tinh tấn mà thành Phật trước Đức Di Lặc một tiểu kiếp. Ngài Di Lặc do giải đãi, nên hiện nay vẫn còn làm Bồ tát. Chúng ta phải trừ tánh giải đãi của mình, thì sự tu hành mới chóng thành công đắc quả. Tu như thế gọi là "Tu Tâm".

29. Thất Niệm: là không nhớ. Nghĩa là không chăm chú, để ý đến công việc làm của mình. Vì quên mà hư hỏng nhiều việc lớn lao! Người tu thiền hoặc niệm Phật, vì không nhớ chánh niệm nên vọng niệm dễ sanh. Bởi thế, người tu Phật phải định tâm, chú ý và dẹp trừ thất niệm (quên chánh niệm). Như thế gọi là "Tu Tâm"

30. Bất Chánh Trí: là hiểu biết không chánh đáng. Nghĩa là hiểu tà vạy, hiểu mê lầm. Vì hiểu lầm nên mới làm sai; có khi cũng vì hiểu lầm mà phải xích mích với nhau. Thế nên người học Phật, phải hiểu biết rõ ràng và chánh đáng. Khi tiếp xúc một việc gì, phải phán đoán và suy xét cho kỹ, để tránh những sự hiểu lầm hoặc không chánh, có thể mới tránh khỏi được những hành vi không hay. Biết sửa đổi như thế gọi là "Tu Tâm".



THIỆN TÂM SỞ

Thưa quý vị! Tôi đã kể rõ 30 tên giặc phiền não, nào tên họ, tài năng và hành tướng của chúng một cách tường tất rồi, bây giờ tôi xin nói qua đạo binh hiền từ ở trong tâm chúng ta. Đạo binh này chẳng khác nào như các vị Trung-thần Nước nhà được thanh-trị, dân chúng được hưởng hạnh phúc thái bình an lạc, vua giữ vững được ngai vàng, đều nhờ các vị Trung thần. Chúng ta được làm Quân-tử, hay thành Thánh Hiền, cũng nhờ đạo binh hiền từ ở nơi tâm chúng ta, thắng được giặc phiền não vậy.

Đạo binh này có 11 anh.

1. Tín: là tin. Trong kinh nói: " Lòng tin là mẹ sanh ra các công đức". Vì có tin nhơn quả, tội phước, nên mới bỏ dữ làm lành, có tin tu hành sẽ được giải thoát, nên mới quyết tu; tin giữ giới có nhiều công đức, khổ đọa trong tam đồ ác đạo, cho nên mới phát nguyện giữ giới. Trong Duy-thức chép: " Đức tin cũng như hột châu thanh thủy, hay làm cho nước được trong . Đức tin này, nó làm cho tâm mình được thanh tịnh". Do có tin nhơn quả, tội phước nên mới hăng hái bỏ những việc ác và ưa làm việc lành. Vậy đức tin là điều cần yếu của người tu hành (mê tín thuộc về ác kiến tâm sở)

2. Tinh Tấn: là siêng năng, chăm ham. Đối với việc dữ siêng năng dứt trừ, với việc lành siêng năng làm theo. Người học trò nhờ siêng năng nên mau giỏi. Người làm ruộng nhờ siêng năng nên thâm góp lúa thóc được nhiều. Người đi buôn nhờ siêng năng nên của tiền mau phát thịnh. Người làm thợ nhờ siêng năng nên công nghệ mỗi ngày thêm phát đạt. Người tu hành nhờ siêng năng, mà mau được thành đạo, chứng quả. Thuở xưa Đức Thích Các Bồ tát Ma ha tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật đa nhờ siêng năng, nên mới thành đạo trước đức Di Lạc. Nói tóm lại, siêng năng là một đức tính tốt, cần thiết cho tất cả mọi người, để dùng trong tất cả trường hợp (siêng năng cờ bạc ,rượu trà, coi hát v.v.. là phóng dật tâm sở (buông lung) thuộc về phiền não, chớ không phải thiện tâm sở, xin quý vị chớ lộn).

3. Tàm: là tự mình xấu hổ.

4. Quý: là thẹn với người. Phạm làm việc gì có tội lỗi, đối với lương tâm mình biết xấu hổ, đối với người rất thẹn thùng; như chúng ta tham lam, gian lận một vật gì của ai, đối với mình lấy làm xấu hổ: " Ta là phật tử đã thọ giới pháp của Phật dạy, không được

tham lam trộm cướp, mà lại còn tham lam, gian trá làm sự tội lỗi như thế ư!". Đối với người khác, mình hết sức thẹn thùng; như trong lúc chúng ta uống rượu, tự xét rằng: "Ta là Phật-tử đã hứa trước Đức Phật và Chư Tăng không uống rượu, mà hôm nay ta lại uống rượu say sưa như vậy, thì ta đâu còn phải là Phật tử nữa, nên hết sức hổ. Đối với những bạn đồng quy y, thọ giới có ai say sưa như ta không? Rồi thẹn thùng với người.

Nói tóm lại, biết hổ thẹn là đức tính tánh tốt. Người biết hổ thẹn mới mong tránh được những tội lỗi và mới có thể tăng tiến trên đường lành. Đã là Phật tử, chúng ta nên có và phải có hai đức tánh này (Hổ và Thẹn) để áp dụng trong những lúc, chúng ta làm những điều tội lỗi. Biết hổ thẹn như thế gọi là "Tu Tâm"

5. Vô Tham: là không tham lam. Đối với tiền tài không tham, vì biết các pháp là vô thường; sắc đẹp không muốn vì quán thân là bất tịnh; danh vọng chẳng màng, vì biết thọ là khổ, mà chỉ an phận tùy duyên. Do không tham lam nên không giành giật, bởi không giành giật nên không đánh đập, chém giết nhau. Nếu tất cả mọi người trên thế giới đều không tham lam; không xâm chiếm thị trường, không xâm chiếm đất đai lẫn nhau, thì chắc chắn thế giới sẽ hòa bình an lạc.

6. Vô Sân: là không nóng nảy, giận hờn. Sân hận là một điều hại lớn. Kinh Hoa-Nghiêm nói: "Nhứt niệm sân tâm khởi, bá vạn chương môn khai". Nghĩa là một niệm sân hận nổi lên thì trăm ngàn tội chương đều sanh ra. Ngạn ngữ có câu: "Ăn nóng quá mất ngon, giận tức lắm mất khôn". Không sân hận" là một anh kiện tướng đẹp trừ được giặc phiền não sân hận. Muốn cho đức tánh không sân hận có nay đủ lực lượng để dẹp trừ lòng sân, thì cần phải tu pháp quán Từ-bi hay Nhẫn nhục là nhịn chịu các điều nhục nhã, không sân hận. Duy có đức từ bi và nhẫn nhục, mới rưới tắt được lửa sân hận. Chúng sanh nhiều kiếp sanh-tử luân hồi, bởi không thắng nổi lòng sân. Chư Phật được tự tại, giải thoát, là do dứt trừ được lòng sân tận gốc. Bởi thế nên Phật tử chúng ta phải tập tánh không sân hận. Như thế gọi là "Tu Tâm".

7. Vô Si: là không mờ ám, si mê. Đối với tất cả việc, lúc nào cũng có trí huệ sáng suốt, suy xét, phán đoán việc tà, chánh, hay, dở, phải, trái v.v...Do đó, việc làm mới chánh đáng, tránh khỏi những điều tai hại, vừa lợi ích cho mình và người ở hiện tại cũng như ở tương lai.

8. Khinh An: là thân tâm nhẹ nhàng, thơ thới, làm việc vui vẻ, không mờ mịt (hôn trầm) nặng nề, được khoan khoái yên vui. Người mà thân tâm được nhẹ nhàng, thơ thới, thì trí huệ mới sáng suốt, học hành mau nhớ, tu niệm mau thành công, suy nghĩ chuyện gì cũng mau lẹ. an vui.

9. Bất Phóng Dật: là không buông lung, biết tự kiềm thúc lấy mình, để tiến trên con đường chơn tánh. Lo làm các việc lành, không buông lung cờ bạc, rượu trà, phá trai, phạm giới, làm những điều ích kỷ tổn nơn. Người học Phật biết tự kiềm thúc lấy mình, mới gọi là người biết "Tu Tâm.

10. Hành Xả: là làm mà không cố chấp. Có hai: 1._ Nếu gặp những cảnh trái ngược, làm cho ta đau khổ, phải xả bỏ ngay đi, thì ta mới được hết khổ. Tỷ như bị người chọc giận, nếu ta cố chấp mãi, thì trong lòng ta sẽ bực tức, nặng nề khó chịu. Nếu ta liền hỷ xả, thì sẽ thấy lòng ta nhẹ nhàng vui vẻ. 2.- Mỗi khi ta làm được điều lành, không nên cố chấp và ghi nhớ mãi. Nếu cố nghĩ đến việc lành ta đã làm, nhiều khi sanh ra tánh tự cao, rồi sẽ đi dần đến chỗ tự kiêu hay tự đắc, hoặc cho như thế là đủ rồi không làm nữa. Tỷ dụ như ta cho người ăn xin một trăm đồng bạc, nếu ta nhớ mãi thì chút nữa có người khác đến xin, ta quyết không cho, vì ta nhớ vừa mới cho một trăm đồng rồi. Trái lại, nếu cho rồi mà không ghi nhớ, thì một lát sau có người khác đến xin, ta có thể cho nữa, nhờ ta biết xả, không nhớ mình đã có cho vậy.

11. Bất Hại: là không làm tổn hại người và vật. Đối với mọi người và mọi vật, nếu chúng ta không làm được lợi cho họ thì thôi, chớ không nên làm tổn hại. Vì người khác làm tổn hại mình, mình đã không chịu, thì chúng ta chớ nên làm tổn hại người. Không làm tổn hại người và vật, là chúng ta tạo cho mình một nhân tốt, sẽ đưa đến đức tánh từ bi của Phật.

Tóm lại, chúng ta biết nuôi dưỡng 11 đức tánh Thiện này, như thế là " Tu Tâm".



ĐIỀU CỐT YẾU NHỨT LÀ HÀNG NGÀY CHÚNG TA NÊN TỰ KIỂM THẢO TÂM NIỆM CỦA MÌNH.

Thưa quý vị! Chúng ta đã hiểu rõ trong tâm mỗi người đời có 11 anh tướng lành và 30 tên giặc phiền não. Quý vị đã biết hình dạng, tên tuổi và tài năng, binh tướng của ta và của giặc rồi. Vậy chúng ta thường ngày, nên tự kiểm thảo từng giờ, từng phút: khi một tâm niệm nổi lên, chúng ta xem xét nó là thiện hay ác, Cũng như người cầm binh ra chiến trường, vừa thấy bóng người thấp thoáng, phải quan sát cho kỹ, đây là binh tướng của ta hay của giặc. Có thể mới khỏi cái hại "nhận giặc làm con" và mới mong dẹp trừ được giặc.

Như trong lúc chúng ta thấy tiền của, sắc đẹp danh vọng v.v... sanh lòng "tham muốn", đó là tham tâm sở hiện ra, nó là giặc phiền não. Chúng ta phải mau mau trừ đi, như thế gọi là "Tu Tâm"

Trong lúc chúng ta gặp cảnh trái nghịch, "nổi nóng" (sân), "tức giận" (phản) lên, "oán hờn" (hận) và "buồn bã bực tức" (não) thối đạo, nản lòng, đó là phiền não yam sở hiện ra. Nó là giặc đến hại ta, nó sẽ đốt tiêu rừng công đức và phá hoại thành Niết bàn của ta. Ta nhiều kiếp sinh tử luân hồi cũng vì nó. Vậy người Phật tử phải mau trừ đi; như thế gọi là "Tu Tâm".

Trong lúc chúng ta làm điều tội lỗi, phá trai, phạm giới mà không hổ thẹn với lương tâm, không thẹn với chúng bạn, thế là hai món phiền não "không hổ" và "không thẹn" hiện ra. Nó là giặc phá hại, chúng ta phải lập tức trừ đi.

Đến giờ tụng kinh, niệm Phật hay đến ngày lễ phải đi chùa lễ Phật nghe kinh, mà chúng ta thấy trong người đã dục chẳng muốn đi; đó là tâm sở "giải đãi" là giặc; hay chỉ muốn đi coi hát, hoặc đánh bài v.v... đó là tâm sở "buông lung", thuộc về giặc phiền não, chúng ta phải trừ đi, như thế gọi là "Tu Tâm".

Trong lúc chúng ta làm điều tội lỗi mà che giấu, không chịu phát lồ sám hối; đó là tâm sở "phú" thuộc về giặc phiền não. Khi chúng ta thấy người có tài năng, danh vọng, hay được lợi lộc, mà sanh lòng ghen ghét không ưa; đó là tâm sở "tật đố", cũng thuộc về giặc phiền não.

Khi chúng ta biết được việc hay, không chịu chỉ dạy cho người, hoặc thấy người thiếu thốn về vật chất, mình có của mà không giúp đỡ; đó là tâm sở "bỏn xẻn" thuộc về phiền não. Nếu giặc phiền não cường thịnh, thì nó sẽ phá hại chúng ta vô cùng vô tận.

Trong lúc tụng kinh, niệm Phật mà thấy tâm mình lao chao không yên tĩnh, hoặc miệng nói lấp bắp, nói chuyện gì cũng không đáng chuyện gì, ngồi đâu thì nhịp đùi, rung vé, hoặc đứng ngồi không tề chỉnh; đó là "điều cử tâm sở". Còn nghĩ tưởng xằng xiêng là "tán loạn tâm sở".

Trong lúc tụng kinh, niệm Phật mà tâm tánh mơ màng, nặng nhọc (ngủ gục) đó là "hôn trầm tâm sở" thuộc về giặc phiền não; trái lại nhẹ nhàng khoan khoái, tụng niệm sáng suốt là "khinh an tâm sở" thuộc về đạo binh lành.

Xin xăm, bói quẻ, cầu thần, đảo qui, làm những điều mê tín, dị đoan, đốt vàng bạc, giấy tiền, lều đài kho phượng, chấp chặc theo thành kiến của mình, không tin lời nói phải, hoặc làm theo tục lệ cổ truyền không chánh đáng, giữ gìn theo những giới cấm tà đạo; như thế đều thuộc về "tà kiến" (ác kiến) tâm sở. Đó là giặc phiền não, chúng ta phải mau dẹp trừ. Như thế gọi là "Tu Tâm".

Đối với người, ta dùng những mưu mô để lừa dối, nói năng xảo trá, đó là "cuồng tâm-sở", thuộc về phiền não; hoặc nói những lời nịnh hót, bợ đỡ, người hỏi không đáp, là "siểm" và "kiêu tâm sở"; có ý khinh rẽ, hiếp đáp lấn lướt người, là "ngã main tâm sở". Trên đây thuộc về giặc phiền não cả, chúng ta phải diệt trừ. Như thế gọi là "Tu Tâm".

Mỗi khi chúng ta thấy việc đạo, sốt sắng ra làm, là "tinh tấn tâm sở"; đến giờ tụng kinh niệm Phật siêng năng, là "tinh tấn tâm sở", thuộc đạo binh lành. Lỡ làm điều gì tội lỗi đối với mình hết sức hổ, với người hết sức thẹn, đó là "tàm" và "quí" tâm sở, cũng thuộc về lành. Thấy vàng bạc, của cải, danh vọng, sắc đẹp không tham, đó là "vô tham tâm sở", thuộc binh tướng lành. Đối với cảnh nghịch, lòng không nóng nảy, giận hờn, đó là "vô si tâm sở", cũng thuộc về lành. Gặp một việc gì, ta sáng suốt phán đoán hay dở, lợi hại, là "vô si tâm sở". Không cờ bạc rượ trà phá trai phạm giới, buông lung phóng đảng đó là "bất phóng dật tâm sở". Gặp những việc người ta làm cho mình đau khổ mà mình hỷ xả; làm được việc gì hay, tốt, có công đức mà không chấp trước (nghĩ đến) là "hành xả tâm sở". Không giúp ích được người và vật thì thôi, chớ không làm tổn hại, đó là "bất hại tâm sở". Trên đây đều thuộc về đạo binh hiền từ của chúng ta, chúng ta nuôi

dưỡng làm cho nó mạnh mẽ thêm lên, mới mong thắng được giặc phiền não trên kia. Như thế gọi là "Tu Tâm"

Nói tóm lại, hàng ngày và từng giờ từng phút, chúng ta phải thường tự kiểm thảo tâm mình như thế. Mỗi khi có một niệm nổi lên, chúng ta phải thường tự kiểm thảo tâm mình như thế. Mỗi khi có một niệm nổi lên, chúng ta phải xét ngay coi là thiện hay ác. Nếu ác, thì chúng ta phải mau mau dẹp trừ; còn thiện, thì chúng ta phải làm sao cho nó thêm tăng trưởng. Nếu giặc phiền não nổi lên, mà chúng ta để cho nó tự do hoành hành, không sớm dẹp trừ, thì nó sẽ phá tan nước Công đức, cướp đoạt thành Niết bàn của chúng ta; làm cho ta thành kẻ đê hèn và nô lệ cho vật dục, hoặc phải đọa trong ba đường dữ là Địa ngục, Ngạ quỷ và Súc sanh.

Trái lại, đạo binh từ thiện trong tâm chúng ta, nếu chúng ta biết nuôi dưỡng nó. Làm cho nó được mạnh mẽ, hùng dũng, thì nó sẽ đánh tan được giặc phiền não, giữ gìn nước Công đức, bảo thủ thành Niết bàn, làm cho ta trở nên hiền, thánh hay Phật.

Đạo binh hiền từ, kháng chiến với giặc phiền não trong nội tâm chúng ta như thế, không những từng ngày, từng giờ mà phải luôn luôn từng phút từng giây; không phải một năm hai năm, mà phải nhiều đời nhiều kiếp, mới thắng được giặc phiền não. Kháng chiến như thế mới thật là " trường kỳ kháng chiến". Như Đức Phật Thích Ca phải trải qua bao vô số kiếp tu hành, mới hoàn toàn thắng được giặc phiền não, thành quả vị Phật. Thành một vị Phật như thế, thật đâu có phải dễ, vì thế nên gọi là "Phật bảo". Bởi thế nên, chúng ta dù suốt đời lạy Ngài đi nữa, cũng chưa xứng.

Có người nghĩ rằng: "Tu hành là việc khó, mà phải trải qua ba vô số kiếp mới thành Phật thì lâu quá, ai làm được!"

Thưa quý vị! Sách nói: "Thế thượng vô nan sự, đô lai tâm bất chuyên". Nghĩa là: Trên đời không có việc chi khó, chỉ tại tâm mình không chuyên cần. Nếu không ai làm được, sao Đức Phật Thích Các Bồ tát Ma ha tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật đa và nhiều Đức Phật khác lại thành được. Phật đã dạy rằng: " Kia là trượng phu, thì ta đây cũng vậy, chớ nên tự khinh mình mà lui suit". Người nghĩ sợ như thế, chẳng khác nào như người học trò lớp năm, mà trông lên địa vị Thạc sĩ hay Bác sĩ, rồi họ thối chí và nói rằng: "Học đến hai mươi mấy năm mới đậu Thạc sĩ ai học được!". Thật ra ông Thạc sĩ lúc đầu tiên cũng học lớp năm như ai vậy. Tuy biết rằng đường dài, nhưng tùy theo sức mình, tu được

bao nhiêu, sẽ được lợi ích bay nhiêu. Như người học lớp năm; khi lên nhứt, thì vẫn thấy lợi ích học ở lớp nhứt, cho đến khi lên trung học, đại học, v.v... thì đều có lợi ích ngang các cấp ấy; học được lớp nào cũng đều có lợi ích cả. Dù Bác – sĩ hay Thạc sĩ, trong lúc đầu tiên cũng học ở lớp thứ tư lớp năm như ai. Như quý vị đạo hữu thọ ngu giới thì chỉ thấy ích lợi ở ngang năm giới; đến khi thọ giới Bồ Tát, thì được lợi ích ở giới Bồ Tát. Dù thành quả Phật cao siêu, song lúc đầu tiên, quý Ngài cũng như chúng ta vậy.

Thứ quý vị! Thắng được giặc phiền não, không phải là một việc dễ, phải trải qua một thời gian lâu xa đến 3 vô số kiếp mới hoàn toàn thắng được; có thắng được mới thành Phật. Vậy chúng ta trong lúc thấy những người tu hành còn tham sân v.v... chớ nên trách họ. Vì còn phiền não cho nên họ mới tu. Nếu hết phiền não thì họ đã thành Phật rồi, cần gì phải tu nữa. Cũng như còn kháng chiến tức là còn giặc; đã còn giặc thì có khi thắng trận, mà cũng có lúc bại trận. Người ở trong vòng tu hành cũng thế, có khi thắng được giặc phiền não, mà cũng có lúc giặc phiền não thắng. Vậy chúng ta không nên trách: "người tu sao còn tham, sân v.v..."

Thưa quý vị! Chúng ta từ hồi nào dean giề , bị giặc phiền não xâm chiếm, cướp mất chủ nhơn ông (chơn tâm). Nó trói cột, xiềng xích, làm cho ta mất tự do; bị nó sai sử, đầy đọa bắt ta làm nô lệ cho thất tình lục dục, mất độc lập. Vậy chúng ta phải nỗ lực dùng đạo binh hiền từ, kháng chiến cho thắng được giặc phiền não ở nội tâm, phá tan xiềng xích nô lệ, lấy lại thành Giải thoát, đem trở về chủ nhơn ông (chơn tâm) như thế mới thật là độc lập, mà có độc lập, ta mới được tự do.

Nếu như nước nhà được độc lập, dân chúng được tự do, mà tâm ta hãy còn bị phiền não trói buộc, thất tình lục dục sai sử, gây tạo những điều tội ác, thì ta không sao khỏi bị gông cùm tù tội. Dù cho nước nhà có thật độc lập, dân chúng được tự do hoàn toàn, mà ta vẫn bị xiềng xích gông cùm nô lệ cho vật chất như thường, không được tự do và độc lập chút nào cả.

Vậy dám mong, tôi cùng quý vị, cố gắng kháng chiến cho hoàn toàn thắng được giặc phiền não ở nơi tâm mình, để khỏi làm nô lệ cho thất tình, lục dục, để được giải thoát như Phật. Như thế mới hoàn toàn tự do độc lập. Và được như thế, là do chúng ta biết "Tu tâm".

NAM MÔ ĐÁU CHIẾN THẮNG PHẬT



MỤC LỤC

1. Tu là cõi phúc
2. Tu tâm
3. Tu và Tâm
4. Tâm Vương
5. Tâm Sở
6. Căn bản phiền não
7. Tùy phiền não
8. Thiện tâm sở
9. Điều Cốt Yếu Nhất Là Hằng Ngày Chúng Ta Nên Tự Kiểm Tháo

Tâm Niệm Của Mình.

